

A.8.2.12
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3359/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt điều chỉnh Khoản 1, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa trên tuyến đường Chất thải rắn đoạn từ Km15+000 đến Km20+100, huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 6533/SGTVT-QLGT ngày 11/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh Khoản 1, Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa trên tuyến đường Chất thải rắn đoạn từ Km15+000 đến Km20+100, huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa, nội dung như sau:

1. Tên Công trình: Sửa chữa trên tuyến đường Chất thải rắn đoạn từ Km15+000 đến Km20+100, huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa.

3. Địa điểm xây dựng: huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, các nội dung khác của Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

10-18

